

DOANH NGHIỆP

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HƯNG YÊN

Địa chỉ : Xã Quang Vinh - Huyện Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Mã số thuế : 0900183684



ĐIỀU LỆ

Hưng Yên, năm 2013

DOANH NGHIỆP

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HƯNG YÊN

Địa chỉ : Xã Quang Vinh - Huyện Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Mã số thuế : 0900183684



ĐIỀU LỆ

Hưng Yên, năm 2013

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HUNG YÊN

Căn cứ:

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ "*V/v chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần* "
- Quyết định số 1401/QĐ-UB ngày 28/07/2003 của Ủy ban nhân tỉnh Hưng Yên "*Về việc chuyển DNNN Trung tâm giống cây trồng Hưng Yên thành công ty cổ phần* "
- Căn cứ QĐ số 4563/ QĐ-UB, ngày 08/12/2005 của UBND tỉnh Hưng Yên "*V/v công nhận kết quả bán cổ phần của Trung tâm giống cây trồng Hưng Yên*"
- Căn cứ Nghị quyết tại đại hội đồng cổ đông Công ty CP Giống cây trồng Hưng Yên ngày 11 tháng 05 năm 2013.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: TÊN CÔNG TY, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHNHS, CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ HÌNH THỨC DOANH NGHIỆP

1. Tên công ty: Công ty cổ phần giống cây trồng Hưng Yên

* Tên giao dịch quốc tế:

HUNGYEN SEEDS JOINT STOCK COMPANY

* Tên viết tắt: **HYS**

* Biểu tượng:



2. Trụ sở chính: thôn Đỗ Hạ- Xã Quang Vinh- Huyện Ân Thi- tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 03213.884579

Email: giongcaytronghy@gmail.com

3. Công ty có các Xí nghiệp trực thuộc đặt tại các địa chỉ sau:

- Xí nghiệp Giống cây trồng Tam Thiên Mẫu: Đặt tại xã Lý Thường Kiệt - huyện Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: (0321).218.217

- Xí nghiệp Giống cây trồng Phù Cừ: Đặt tại Thị trấn Trần Cao - huyện Phù Cừ - tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: (0321).854.131

4. Hình thức doanh nghiệp: Công ty cổ phần giống cây trồng Hưng Yên được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp Nhà nước Trung tâm giống cây trồng Hưng Yên thành công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

ĐIỀU 2: TƯ CÁCH HOẠT ĐỘNG

1. Công ty Cổ phần giống cây trồng Hưng Yên là một công ty cổ phần, trong đó các cổ đông cùng góp vốn điều lệ, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi phần vốn của mình đã góp bằng giá trị cổ phần mình sở hữu. Lợi ích của mỗi người góp vốn dưới hình thức mua cổ phần, sẽ được bảo hộ bởi các quy định của luật pháp hiện hành.

2. Công ty Cổ phần giống cây trồng Hưng Yên là một tổ chức kinh tế độc lập

2.1. Có tư cách pháp nhân theo luật định.

2.2. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

2.3. Có điều lệ về tổ chức và hoạt động của công ty.

2.4. Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.

2.5. Có bảng cân đối kế toán riêng và được lập các quỹ theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

ĐIỀU 3: MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Mục tiêu: Công ty Cổ phần giống cây trồng Hưng Yên được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc nghiên cứu, sản xuất - kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động và đóng góp cho ngân sách Nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Nội dung hoạt động:

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án giống cây trồng, dự phòng thóc giống; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng; kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, thiết bị nông nghiệp; chế biến và tiêu thụ các loại nông sản thực phẩm; dịch vụ thương mại.

- Thu thập các loại giống cây ăn quả trong và ngoài nước để xây dựng vườn giống cây đầu dòng, sản xuất các loại giống cây ăn quả, giống cây lâm nghiệp, các loại giống cây công nghiệp ngắn ngày, nhân các loại giống rau màu thực phẩm, các loại giống hoa, cây cảnh, cây công trình và cây bóng mát bằng các phương pháp chiết, ghép, gieo hạt và nuôi cấy mô.

- Tư vấn, chuyển giao kỹ thuật tiến bộ trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tư vấn, khôi phục, phát triển các ngành nghề trong nông nghiệp và nông thôn.

- Kinh doanh thuốc BVTV, sang chai đóng gói các loại thuốc BVTV, các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng trong lĩnh vực BVTV.

- Kinh doanh và chăn nuôi các loại động vật (trừ các loại động vật Nhà nước cấm); sản xuất, kinh doanh các loại thủy sản.

- Kinh doanh vận tải hàng hoá.

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

- Kinh doanh kho vận, bến bãi.

- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, gas và các chất phụ trợ.

- Kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và du lịch:

+ Xây dựng các vùng du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí.

+ Dịch vụ thể thao và vui chơi giải trí.

+ Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống, giải khát.

- Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.

- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

+ Đại lý phân bón và hợp chất ni tơ.

+ May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)

+ Giáo dục nghề nghiệp.

+ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; hoạt động dịch vụ khuyến nông.

ĐIỀU 4: THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG

Thời gian hoạt động của công ty là **49 năm** (*Kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quyết định chuyển đổi từ DNNN thành công ty cổ phần của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên*). Việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian hoạt động của công ty phải do đại hội đồng cổ đông quyết định và được tiến hành đúng thủ tục theo LDN quy định.

ĐIỀU 5: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông (Viết tắt là ĐHĐCĐ).
3. ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) để quản lý công ty giữa hai nhiệm kỳ đại hội, bầu ban kiểm soát (KS) để kiểm soát mọi hoạt động của công ty.
4. Điều hành hoạt động của công ty là Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm.

ĐIỀU 6: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU

1. Con dấu của công ty được khắc theo mẫu do Bộ Công an quy định. Con dấu phải được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh trước khi sử dụng.
2. Tất cả các văn bản của công ty khi công bố chính thức, phải có con dấu của công ty trên chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc hoặc Trưởng Ban Kiểm soát. Chữ ký của các chức danh khác trong công ty chỉ được dùng con dấu khi có ủy quyền bằng văn bản của Giám đốc công ty.
3. HĐQT giao cho Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: QUYỀN CỦA CÔNG TY

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của công ty.
2. Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn.
5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu.
6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
7. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học tiên tiến hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.
9. Yêu cầu Nhà nước bảo đảm, công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty không bị quốc hữu hoá, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.
10. Các quyền khác do pháp luật quy định.

ĐIỀU 8: NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

1. Hoạt động kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký.
2. Lập sổ sách kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực chính xác.
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về công ty và tình hình tài chính của công ty với cơ quan đăng ký kinh doanh. Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh.
6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II**VỐN - CỔ ĐÔNG - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ TỨC****MỤC 1: VỐN - CỔ ĐÔNG****ĐIỀU 9: VỐN ĐIỀU LỆ**

1. Vốn điều lệ của công ty được xác định là **7,360 triệu đồng**, do các cổ đông góp dưới hình thức mua cổ phần. Vốn điều lệ được góp đủ một lần bằng tiền Việt Nam đúng thời gian quy định của công ty khi đăng ký mua cổ phần.
2. Vốn điều lệ của công ty do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của các cổ đông.
3. Vốn điều lệ được sử dụng cho các mục đích:
 - . Kinh doanh theo nội dung hoạt động của công ty.
 - . Phát triển công nghệ, kỹ thuật nghiệp vụ.
 - . Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh.
 - . Các dự trữ cần thiết về tài sản, bất động sản.
 - . Mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị cần thiết cho các hoạt động của công ty.

4. Nghiêm cấm sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (*trừ trường hợp ĐHĐCĐ bất thường quyết định sửa đổi Điều lệ công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh*).
5. Việc tăng giảm vốn điều lệ do ĐHĐCĐ quyết định.

ĐIỀU 10: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông của công ty là những tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Luật Dân sự, sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty và có đủ điều kiện góp vốn đầu tư vào công ty, không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 13 LDN. Trong suốt thời gian hoạt động, công ty luôn có tối thiểu là 3 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.
2. Người mua cổ phần được công nhận là cổ đông chính thức sau khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký lưu giữ tại công ty. Cổ đông nắm cổ phần phổ thông thì được gọi là cổ đông phổ thông.
3. Các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được Nhà nước công nhận và bảo hộ bởi các quy định của pháp luật hiện hành.
4. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại công ty:
 - 4.1. Người đại diện theo pháp luật của công ty:
 - . Người đại diện theo pháp luật của công ty là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại công ty – Chủ tịch HĐQT.
 - 4.2. Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại công ty. Việc uỷ quyền nêu trên phải được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT của công ty.
 - 4.3. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

ĐIỀU 11: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Cổ đông phổ thông có quyền:
 - 1.1. Quyền tham dự ĐHĐCĐ được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được uỷ quyền đại diện, được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, BKS và Giám đốc điều hành về hoạt động kinh doanh của công ty.
 - 1.2. Quyền được chia lợi tức cổ phần (*Cổ tức*) với mức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy theo kết quả kinh doanh của công ty qua mỗi kỳ tổng kết quyết toán và theo

quyết định của ĐHĐCĐ về các phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm.

1.3. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mỗi khi công ty phát hành cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông đang nắm giữ trong công ty.

1.4. Quyền được chuyển nhượng cổ phần theo quy định LDN, Điều lệ này và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

1.5. Quyền được đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS của công ty khi đủ điều kiện quy định về tiêu chuẩn thành viên HĐQT và BKS (Theo Điều 37 và Điều 51 Điều lệ này).

1.6. Quyền được thông tin về báo cáo tài chính hàng năm.

1.7. Quyền được kiểm tra việc thực hiện Điều lệ công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

1.8. Quyền được chia tài sản còn lại - khi công ty giải thể hoặc phá sản theo luật định - theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu sau khi công ty đã thanh toán cho các chủ nợ.

1.9. Quyền được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự ĐHĐCĐ theo quy định của bản Điều lệ này.

1.10. Các quyền khác theo quy định của LDN và Điều lệ này.

2. Quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất là 6 tháng:

2.1. Có quyền triệu tập ĐHĐCĐ bất thường

. Khi cần xem xét và giải quyết những vụ việc mà HĐQT và Giám đốc vi phạm Điều lệ;

. Khi có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính;

. Khi phát hiện lãnh đạo công ty có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý gây thiệt hại cho công ty.

Trong những trường hợp này HĐQT và Giám đốc phải triệu tập ĐHĐCĐ chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhóm cổ đông này yêu cầu.

2.2. Các quyền khác theo quy định của LDN và Điều lệ này.

Nhóm cổ đông này phải đăng ký danh sách và các nội dung muốn thực hiện cho HĐQT ít nhất 30 ngày kể từ ngày muốn thực hiện nội dung trên.

3. Cổ đông can án hoặc phá sản mà vụ việc không liên quan trực tiếp đến công ty vẫn được tiếp tục hưởng các quyền lợi ở công ty tương ứng với số cổ phần mình được sở hữu.

ĐIỀU 12: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý của công ty.

3. Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
4. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các vấn đề quy định trong Quy chế của công ty.
5. Trong kỳ hoạt động của công ty ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp công ty giải thể hoặc đã được ĐHĐCĐ thông qua.
6. Phát hiện những vi phạm pháp luật, chính sách chế độ Nhà nước của thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và chịu trách nhiệm về sự phát hiện của mình.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 13: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập lưu giữ điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1.1. Tên, trụ sở Công ty.
 - 1.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - 1.3. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - 1.4. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của công ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả cổ đông biết.

MỤC 2: CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

ĐIỀU 14: CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ của công ty được chia ra nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, đó là một đơn vị góp vốn tối thiểu mà mỗi cổ đông tham gia đầu tư vào công ty.
2. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thành lập là 6,3 tỷ đồng, được chia thành 630.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phiếu của mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Việc đăng ký mua cổ phần lần đầu được xác nhận bằng một tờ phiếu đăng ký cam kết mua có chữ ký của người mua hoặc của người được uỷ nhiệm mua. Nội dung tờ phiếu theo quy định của công ty.
4. Cổ phần của công ty lần đầu được mua bằng tiền Việt Nam. Về sau, cổ phần của công ty có thể được mua bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật hoặc các tài sản khác và phải được thanh toán một lần.

5. Cổ phần được mua bằng các tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty và có biên bản cụ thể.

6. Tài sản dùng để mua cổ phần của công ty, nếu không phải là tiền Việt Nam thì phải được định giá bởi HĐQT theo nguyên tắc nhất trí 100%. Người chủ tài sản và người định giá phải liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc định giá này theo quy định tại điều 30 LDN.

ĐIỀU 15: CỔ PHIẾU

1. Cổ phiếu của công ty là **sổ chứng nhận sở hữu cổ phần** do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.

2. Mọi cổ phiếu của công ty được xem là hợp lệ khi cổ phiếu đó do chính công ty phát hành, phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và phải được đóng dấu của công ty cổ phần.

3. Công ty phát hành 2 loại cổ phiếu:

3.1. Cổ phiếu ghi danh: Tức là sổ chứng nhận sở hữu cổ phần không được chuyển nhượng tự do của pháp nhân hay cá nhân sở hữu số cổ phần của công ty.

3.2. Cổ phiếu vô danh: Tức là sổ chứng nhận sở hữu cổ phần được chuyển nhượng tự do của cá nhân hay pháp nhân sở hữu số cổ phần của công ty. Cổ phiếu vô danh được phát hành cho các cổ đông ngoài các đối tượng được quy định tại điểm 3.1, khoản 3 Điều này.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy, hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho công ty và phải chứng minh được quyền sở hữu đối với số cổ phần đó thì mới có quyền yêu cầu công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do công ty quy định.

5. Trong các trường hợp phát hành cổ phiếu tiếp theo, giá bán cổ phiếu không phụ thuộc mệnh giá ghi trên cổ phiếu của công ty.

ĐIỀU 16: PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. HĐQT quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi.

3. Trái phiếu của công ty có thể mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán một lần.

ĐIỀU 17: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Chuyển nhượng cổ phần là quá trình chuyển quyền sở hữu dưới mọi hình thức như: mua bán, biếu tặng, cho, thừa kế ... từ cổ đông này sang một cổ đông khác hoặc một người khác không phải là cổ đông.
2. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trừ các trường hợp do LDN và Điều lệ này quy định.
3. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 84 LDN. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên nhận chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

ĐIỀU 18: THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo Luật dân sự Việt Nam quy định.
2. Trường hợp cổ đông qua đời, công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - 2.1. Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - 2.2. Người thừa kế theo phán quyết của Tòa án.
 - 2.3. Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
 - 2.4. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế được đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần, được thừa kế trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền. Người có cổ phần qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần đó được sung vào ngân sách Nhà nước.
 - 2.5. Cổ phần của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát cũng được thừa kế theo luật định, nhưng người thụ nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát.

ĐIỀU 19: PHÁT HÀNH VÀ CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Khi hội đủ các điều kiện theo luật định, căn cứ theo Nghị quyết của ĐHCĐ công ty sẽ làm các thủ tục xin cơ quan có thẩm quyền cho phép phát hành cổ phần nhằm huy động vốn cho công ty. Việc phát hành cổ phần mới phải thực hiện theo LDN và được ĐHCĐ quyết định.
2. HĐQT quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:

- 2.1. Cổ phần chào bán đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh.
- 2.2. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ trong công ty.
- 2.3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.
3. Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định tại điểm 1.4, khoản 1, **Điều 13 Điều lệ** này vào sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
4. Sau khi thanh toán đầy đủ cổ phần đăng ký mua, công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại điểm 1.4, khoản 1, Điều 13 Điều lệ này, được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.
5. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

ĐIỀU 20: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều lệ công ty, có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến HĐQT trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định nói tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời gian 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận về giá, thì các bên có quyền yêu cầu Trọng tài hoặc toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 21: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Việc mua lại dưới 10% cổ phần do HĐQT quyết định.

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở công ty, tổng số cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ trong công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

ĐIỀU 22: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN, THU HỒI TIỀN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 20, Điều 21 Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại các Điều 20, 21 Điều lệ này được coi là số cổ phần chưa bán trong số cổ phần chào bán.

3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

4. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận, trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của công ty.

MỤC 3 : CỔ TỨC

ĐIỀU 23: TRẢ CỔ TỨC

1. Cổ tức là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của công ty để trả cho mỗi cổ phần. Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

2. Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày

trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

4. Sau 6 tháng kể từ ngày trả cổ tức mà cổ đông chưa đến nhận cổ tức thì HĐQT sẽ sử dụng số tiền này vào việc kinh doanh tại công ty. Trong trường hợp này, số tiền mang ra sử dụng được tính lãi căn cứ vào lãi xuất ngân hàng trong thời gian sử dụng và số tiền này sẽ được thanh toán vào lúc trả cổ tức sau đó.

5. Trong thời hạn một năm sau thời gian trả cổ tức, mà các cổ đông chưa đến nhận, HĐQT sẽ thông báo đến người thuộc diện thừa kế. Trong trường hợp này cổ phiếu và số tiền cổ tức của cổ đông vắng mặt đều do toà án quyết định.

ĐIỀU 24: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán trả cổ tức trái với quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của công ty.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC - QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 25: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Thành phần tham dự ĐHĐCĐ là tất cả các cổ đông đã đầu tư vào công ty. Cổ đông không đi dự đại hội có thể ủy quyền cho người khác đi dự. Việc ủy quyền này phải được thực hiện bằng văn bản ủy quyền và có chữ ký của những cổ đông ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng đối với các cổ đông đang là thành viên HĐQT, thành viên BKS.

ĐIỀU 26: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

1. ĐHĐCĐ thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời gian bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. ĐHĐCĐ thường niên có các quyền và nhiệm vụ sau:

- 2.1. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại; quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- 2.2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS.
- 2.3. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và BKS gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của công ty.
- 2.4. Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty.
- 2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty.
- 2.6. Quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
- 2.7. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán.
- 2.8. Thông qua định hướng phát triển của công ty, phương hướng nhiệm vụ chiến lược kinh doanh và các dự án đầu tư dài hạn.
- 2.9. Thông qua báo cáo và đề nghị của HĐQT về quyết toán năm tài chính phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận - chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ...
- 2.10. Thông qua báo cáo và đề nghị của HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh - thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát.
- 2.11. Quyết định mức thù lao và các quyền lợi của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.
- 2.12. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
- 2.13. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của LDN và Điều lệ này.

ĐIỀU 27: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

1. Lý do và điều kiện triệu tập ĐHĐCĐ bất thường: Trường hợp phát sinh những vấn đề có tính cấp bách ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của công ty. ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo yêu cầu của một trong các đối tượng sau:

- 1.1. Theo quyết định của HĐQT.
- 1.2. Theo yêu cầu của nhóm cổ đông quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 11 Điều lệ này hoặc của nhóm toàn thể BKS trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 55 Điều lệ này hoặc HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
2. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ bất thường:
 - 2.1. Xem xét và xử lý các vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh bất thường hoặc những vấn đề tranh chấp tố tụng nghiêm trọng.
 - 2.2. Xem xét và xử lý những sai phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.

2.3. Bầu bổ sung thành viên HĐQT theo khoản 5, Điều 44 và thành viên BKS theo khoản 3, Điều 53 của Điều lệ này.

2.4. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty trong trường hợp cần thiết.

2.5. Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

ĐIỀU 28: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất có trên 90% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 85% số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp bao gồm chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

ĐIỀU 29: THỂ THỨC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH CÁC ĐHĐCĐ

1. Triệu tập ĐHĐCĐ:

1.1. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng theo quy định tại điểm 1, Điều 27 Điều lệ này.

1.2. Trường hợp HĐQT không triệu tập thì trong vòng 30 ngày tiếp theo Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT để triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của LDN.

1.3. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập thì nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 2, Điều 11 Điều lệ này có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát để triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của LDN. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được công ty hoàn lại.

1.4. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của LDN và Điều lệ này.

2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ kèm theo giấy uỷ quyền phải được gửi bằng thư cho các cổ đông trước 20 ngày và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trừ ĐHĐCĐ bất thường có thể mời họp sớm hơn thời gian trước ngày mời họp ít nhất 7

ngày. Trường hợp cổ đông không thể đến dự họp có thể uỷ quyền cho người khác. Giấy uỷ quyền phải được gửi về công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc, để công ty lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội.

3. Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (Ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần hiện diện).

4. ĐHĐCĐ thường niên do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt, có thể uỷ nhiệm cho phó Chủ tịch HĐQT hoặc một uỷ viên HĐQT làm chủ tọa. ĐHĐCĐ thành lập thì Trưởng Ban đổi mới doanh nghiệp làm chủ tọa ĐHĐCĐ bất thường do ai triệu tập thì người đó làm chủ tọa.

5. Chủ tọa thông qua đại hội bầu ra Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.

ĐIỀU 30: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐHĐCĐ

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ tên, địa chỉ thường trú (*đối với cá nhân*), tên, trụ sở (*đối với tổ chức*), số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình, được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

5. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 31: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 2.1 khoản 2, Điều 11 Điều lệ này, có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến công ty chậm nhất 3 ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2, Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

3.1. Kiến nghị gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

3.2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

3.3. Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

ĐIỀU 32: QUYỀN DỰ HỢP ĐHĐCĐ VÀ ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐHĐCĐ

1. Đại biểu hoặc nhóm đại biểu có từ 500 cổ phiếu trở lên mới có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.
2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự ĐHĐCĐ.
3. Người được uỷ quyền không nhất thiết là cổ đông công ty. Người được uỷ quyền không phải là cổ đông được quyền biểu quyết bầu cử tại ĐHĐCĐ, nhưng không được ứng cử tại ĐHĐCĐ với tư cách cá nhân.
4. Việc uỷ quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được uỷ quyền phải trình cho ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc đại hội, mới được thực hiện các quyền hạn được uỷ quyền.
5. Trong trường hợp bên uỷ quyền là pháp nhân, thì văn bản uỷ quyền phải được người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu mới có giá trị.
6. Việc uỷ quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ ba.
7. Người uỷ quyền có thể thu hồi uỷ quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi cho HĐQT trước khi khai mạc đại hội.
8. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

ĐIỀU 33: THÔNG QUA CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của ĐHĐCĐ được **thông qua tại cuộc họp** khi:
 - 2.1. Được số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - 2.2. Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể công ty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty, thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
3. Trường hợp **thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**, thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua, nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

4. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Những quyết định này có hiệu lực thi hành đối với các cổ đông vắng mặt, hay bất đồng ý kiến.

ĐIỀU 34: BIÊN BẢN HỌP ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải có nội dung chủ yếu sau:

- 1.1. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ.
 - 1.2. Chương trình làm việc.
 - 1.3. Chủ tọa và Thư ký.
 - 1.4. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ.
 - 1.5. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề được thông qua.
 - 1.6. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
 - 1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
 - 1.8. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Các trích lục biên bản họp ĐHĐCĐ phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT hoặc 2 thành viên HĐQT.

ĐIỀU 35: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu toà án xem xét và hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của LDN và Điều lệ này.
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 36: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có từ 3-5 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra, thành viên HĐQT được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần, bằng thẻ thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

3. HĐQT bầu và bãi miễn Chủ tịch HĐQT và Phó chủ tịch HĐQT với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

4. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

ĐIỀU 37: TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN HĐQT

1. Là cổ đông trong công ty sở hữu từ 500 cổ phần trở lên.
2. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp của công ty và có thể tham gia nhiều thành viên HĐQT các công ty khác tùy theo khả năng của mình.
3. Thành viên HĐQT không thuộc các đối tượng quy định tại điều **13 LDN**.

ĐIỀU 38: NHIỆM KỲ HĐQT

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại.
2. Trong nhiệm kỳ, ĐHĐCĐ có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế cho đến hết nhiệm kỳ.

ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HĐQT

1. Quyết định chiến lược phát triển của công ty.
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
4. Quyết định phương án đầu tư.
5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
6. Quyết định bán số tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty ngoại trừ bất động sản.
7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc của công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của Giám đốc.
8. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, các Xí nghiệp, Trạm, Trại và việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.
9. Trình báo cáo quyết toán hàng năm lên ĐHĐCĐ.
10. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

11. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi; định giá tài sản vốn góp không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
13. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán.
14. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
15. Các quyền hạn khác được quy định theo LDN và Điều lệ này.

ĐIỀU 40: CHỦ TỊCH HĐQT

1. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong số thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc công ty. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ toạ cuộc họp HĐQT.
 - 2.3. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT dưới những hình thức khác.
 - 2.4. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
 - 2.5. Chủ toạ ĐHĐCĐ.
 - 2.6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại LDN và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch HĐQT có thể uỷ quyền cho Phó Chủ tịch hoặc uỷ viên HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT.

4. Bộ máy từ trưởng phó các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ trưởng phó các đơn vị trực thuộc do Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức.

ĐIỀU 41: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN CÒN LẠI TRONG HĐQT

1. Phó Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được uỷ quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.
2. Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công không được uỷ quyền cho người khác. Nhiệm vụ quyền hạn của thành viên HĐQT:

2.1. Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển của công ty trong từng thời kỳ.

2.2. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc và cán bộ quản lý các đơn vị khác trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các đơn vị trong công ty.

2.3. Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về ý kiến của mình.

2.4. Nghiêm túc thực hiện Điều lệ của công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Thực hiện Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công phân nhiệm của HĐQT.

ĐIỀU 42: QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

1. Thành viên HĐQT không hưởng lương mà hưởng thù lao công việc và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác. Mức thù lao do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.

2. Mọi chi phí hoạt động hợp lý của HĐQT liên quan đến lợi ích công ty được tính vào chi phí quản lý công ty.

ĐIỀU 43: CUỘC HỌP HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT

1.1. Mỗi quý phải họp ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.

1.2. HĐQT có thể họp bất thường theo yêu cầu của một trong các đối tượng sau:

- . Chủ tịch HĐQT
- . Ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT
- . Trưởng ban kiểm soát hoặc 2/3 thành viên Ban Kiểm soát
- . Giám đốc.

2. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

3. HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Thông qua quyết định của HĐQT bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản được thực thi như thể thức thông qua quyết định của ĐHĐCĐ quy định trong Điều 33 của Điều lệ này.

5. Tất cả các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp HĐQT phải có đầy đủ các nội dung sau:

- . Thời gian, địa điểm họp
- . Họ tên thành viên tham dự
- . Chương trình họp
- . Các vấn đề thảo luận và biểu quyết
- . Tóm tắt ý kiến phát biểu tại phiên họp
- . Các quyết định đã được HĐQT thông qua
- . Chữ ký có ghi rõ họ tên của tất cả các thành viên tham dự họp
- . Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT

ĐIỀU 44: CÁC TRƯỜNG HỢP MẤT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT thì phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT của công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.

2. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- 2.1. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- 2.2. Từ chức.
- 2.3. Cổ đông pháp nhân không còn tư cách pháp nhân.
- 2.4. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
- 2.5. Công ty giải thể trước thời hạn theo quyết định của Tòa án.

3. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- 3.1. Vắng mặt 3 kỳ họp HĐQT trong năm.
- 3.2. Không hoàn thành nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này.
- 3.3. Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo

Điều 13 LDN.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định, thì Phó Chủ tịch lên thay. Phó Chủ tịch đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì HĐQT bầu Phó Chủ tịch thay thế và đảm nhiệm công việc mới của Chủ tịch cho đến khi Chủ tịch mới được bầu.

Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải cử ngay một người trong số họ để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch. Nếu số thành viên HĐQT còn lại không đủ 2/3 thì các thành viên này phải cùng Ban Kiểm soát cử ngay một đại diện trong số họ

đảm nhận công việc của Chủ tịch HĐQT và triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu đủ số lượng vào các chức danh HĐQT.

5. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ này, thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của HĐQT sẽ bầu thành viên mới thay thế cho thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi miễn.

MỤC 3: GIÁM ĐỐC

ĐIỀU 45: GIÁM ĐỐC

1. Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Giám đốc thay mặt công ty trong mọi hoạt động giao dịch với các cơ quan Nhà nước, các đơn vị kinh tế khác, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về những việc mình làm.

3. Giám đốc công ty do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và có thể được HĐQT uỷ nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quyết định của HĐQT.

4. Giúp việc cho Giám đốc có các phó Giám đốc do Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức.

ĐIỀU 46: TIÊU CHUẨN GIÁM ĐỐC

1. Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế, kỹ thuật, có đủ kiến thức, kinh nghiệm quản lý công ty và hiểu biết pháp luật.

2. Không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 13 LDN.

ĐIỀU 47: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁM ĐỐC

1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.

2. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.

4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty.

6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.

7. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

ĐIỀU 48: ỦY QUYỀN VÀ ỦY NHIỆM

1. Giám đốc công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền, ủy nhiệm này.
2. Người được Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm, phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

ĐIỀU 49: CÁC TRƯỜNG HỢP PHẢI ĐƯỢC ĐHĐCĐ HOẶC HĐQT CHẤP THUẬN

1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định sau đây:
 - 1.1. Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
 - 1.2. Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này được ký mà chưa được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho công ty phải bồi thường toàn bộ số thiệt hại đã gây ra.

MỤC 4: KIỂM SOÁT**ĐIỀU 50: BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban Kiểm soát là người thay mặt cổ đông để giám sát việc quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Giám đốc.
2. Ban Kiểm soát có TỪ 2- 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm với đa số phiếu tính theo số cổ phần bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín. Ban kiểm soát bầu 1 thành viên làm trưởng ban để điều hành hoạt động của Ban trong suốt nhiệm kỳ.

3. Thành viên Ban kiểm soát không hưởng lương mà hưởng thù lao hàng tháng theo quyết định của ĐHĐCĐ. Các chi phí hoạt động hợp lý cho Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

ĐIỀU 51: TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
2. Thành viên Ban Kiểm soát phải từ 21 tuổi trở lên, có trình độ kiến thức và am hiểu về pháp luật, kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của công ty. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về tài chính - kế toán.
3. Những người không được làm thành viên Ban Kiểm soát:
 - 3.1. Thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Xí nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.
 - 3.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề vì các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.
 - 3.3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
 - 3.4. Không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 13 LDN.

ĐIỀU 52: NHIỆM KỲ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát cùng nhiệm kỳ với của HĐQT và kéo dài thêm không quá 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
2. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết thành viên Ban Kiểm soát thì **ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu bổ sung** theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.
3. Trong trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát thì một trong hai thành viên còn lại sẽ tạm thời thay thế.
4. Trường hợp khuyết thành viên Ban Kiểm soát mà các thành viên còn lại không có chuyên môn về tài chính - kế toán thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

ĐIỀU 53: TỪ CHỨC, TỪ NHIỆM VÀ MẤT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN BKS

1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.
2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức phải được sự nhất trí của các thành viên còn lại.
3. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang là thành viên Ban Kiểm soát, thì phải gửi văn bản đến Ban Kiểm soát và HĐQT để trình ĐHĐCĐ gần nhất bầu thay thế.

4. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp như thành viên HĐQT bị mất tư cách được quy định tại Điều 44 Điều lệ này.

ĐIỀU 54: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SÁT

1. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên phụ trách từng loại công việc kiểm soát.

2. Mỗi thành viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

2.1. Kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

2.2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty:

- . Khi các thành viên BKS xét thấy cần thiết

- . Khi có quyết định của ĐHĐCĐ

- . Khi có yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 11 Điều lệ này

Việc kiểm tra quy định tại các điểm 2.1 và 2.2 khoản 2 Điều này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

2.3. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

2.4. Báo cáo với ĐHĐCĐ:

- . Về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của HĐQT và Giám đốc với các ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

- . Về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty.

- . Về tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

2.5. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.6. Được quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác. Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của công ty.

2.7. Khi cần thiết Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với

quyết định của HĐQT, thì ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.

2.8. Trưởng Ban Kiểm soát hoặc 2/3 thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên họp bất thường. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.

2.9. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

2.10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của LDN và Điều lệ này.

3. Sau khi ĐHĐCĐ thành lập, Ban Kiểm soát bắt đầu tiến hành kiểm soát ngay quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập công ty cho đến khi thành lập công ty xong và công ty chính thức đi vào hoạt động.

MỤC 5 : NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 55: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý khác của công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của công ty và cổ đông của công ty.

2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của công ty, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận.

3. Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

3.1. Phải thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả các chủ nợ biết.

3.2. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm 3.1 và 3.3 khoản này.

3.3. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty.

3.4. Không được lợi dụng chức vụ để hưởng những lợi thế cá nhân về tài chính hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích của công ty hoặc chiếm đoạt các cơ hội kinh doanh thuộc về công ty.

3.5. Không được hành động vượt quá các quyền hạn theo quy định trong Điều lệ này.

4. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

ĐIỀU 56: TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ- XÃ HỘI KHÁC

1. Tổ chức ĐCSVN trong công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định, điều lệ của ĐCSVN.
2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ hoạt động của các tổ chức đó.
3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo pháp luật và Điều lệ mỗi tổ chức.

ĐIỀU 57: QUYỀN LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động trong công ty là người đang trực tiếp làm việc tại công ty, có ký HĐLĐ với công ty theo Luật Lao động:

1. Quyền lợi người lao động được đảm bảo bằng hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
2. Người lao động có trách nhiệm sau:
 - . Chấp hành đúng nội quy lao động của công ty
 - . Chấp hành đúng sự phân công lao động của công ty
3. Người lao động có quyền lợi sau:
 - . Được ký HĐLĐ
 - . Được trả lương theo đúng nội dung hợp đồng lao động và theo luật định
 - . Được tạo điều kiện thuận lợi trong lao động và trong học tập
 - . Được hưởng chế độ BHXH, BHYT theo đúng pháp luật hiện hành
 - . Được quyền khiếu nại và tham gia giải quyết tranh chấp khi có tranh chấp lao động xảy ra
 - . Được quyền ưu tiên mua cổ phần sau các cổ đông khi công ty phát hành cổ phiếu.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP CÁC QUỸ

ĐIỀU 58: CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày cuối cùng của năm đó.
2. Công ty phải tuân thủ chế độ kế toán thống kê và lập sổ sách, báo biểu theo đúng pháp luật hiện hành.
3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến HĐQT, BKS để xem xét chuẩn bị họp ĐHĐCĐ.
4. HĐQT, BKS có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ các tài liệu tài chính bao gồm:
 - . Báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính;
 - . Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về các báo cáo tài chính;
 - . Văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập về tài chính của công ty trong trường hợp cần thiết;
 - . Các phương án xử lý lỗ hoặc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức.
5. Nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT hoặc của BKS hoặc của pháp luật, công ty có thể mời tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán từng phần hoặc toàn phần hoạt động của công ty tùy theo yêu cầu cụ thể của việc cần kiểm toán. Mọi chi phí cho việc kiểm toán công ty chịu.
6. Nếu cổ đông bất kỳ nào muốn mời tổ chức kiểm toán độc lập khác để tiến hành phúc tra kết quả kiểm toán nêu ở khoản 5 Điều này, cổ đông này được quyền mời tổ chức kiểm toán đó, quá trình phúc tra lại vẫn có kết quả như đã làm lần trước thì mọi phí tổn cho việc phúc tra cá nhân người đó phải chịu toàn bộ chi phí. Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức kiểm toán này tham khảo sổ sách và tài liệu cần thiết.

ĐIỀU 59: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP CÁC QUỸ

1. Lợi nhuận thực hiện của công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí, các khoản thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước theo luật định và đã trích đúng, trích đủ vào các quỹ của công ty.
2. Cuối niên khoá tài chính, lợi nhuận thực hiện được phân chia như sau:
 - . Trích 5% lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi số tiền của quỹ này bằng 10% vốn điều lệ;
 - . Trích ít nhất 15% lập quỹ tái đầu tư phát triển;
 - . Trích ít nhất 5% lập quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - . Số còn lại: Là cổ tức được chia cho các cổ đông theo số cổ phần sở hữu;
3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận, sẽ do HĐQT quyết định việc trích lập và ban hành quy chế sử dụng theo chế độ tài chính kế toán.

4. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ đề trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

5. Tùy thuộc tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, HĐQT có thể ứng trước cổ tức cho cổ đông.

ĐIỀU 60: XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KINH DOANH THUA LỖ

Trường hợp công ty kinh doanh bị thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể quyết định giải quyết kịp thời theo hướng sau:

- . Trích từ quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ;
- . Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời ĐHĐCĐ phải quyết định các biện pháp có hiệu quả để khắc phục;

ĐIỀU 61: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

ĐIỀU 62: CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

1. Công ty lưu giữ các tài liệu sau đây:

1.1. Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, quy chế quản lý nội bộ công ty, sổ đăng ký cổ đông.

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.

1.3. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty.

1.4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT, các quyết định đã được thông qua.

1.5. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán.

1.6. Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

1.7. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.

1.8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC LẠI - GIẢI THỂ - THANH LÝ PHÁ SẢN - TỔ TỤNG - TRANH CHẤP

ĐIỀU 63: TỔ CHỨC LẠI

1. Khi cần thiết công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức theo LDN quy định như sau:

1.1. **Chia doanh nghiệp:** Công ty chấm dứt sự tồn tại để chia thành một số công ty mới cùng loại.

1.2. **Tách doanh nghiệp:** Công ty có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản của công ty hiện có để thành lập một hoặc một số công ty mới cùng loại. Công ty sẽ tiếp tục tồn tại với phần tài sản còn lại.

1.3. **Hợp nhất doanh nghiệp:** Công ty chấm dứt sự tồn tại để hợp cùng một hoặc một số công ty cổ phần khác hình thành một công ty mới.

1.4. **Sáp nhập doanh nghiệp:** Công ty chấm dứt sự tồn tại để sáp nhập vào một công ty khác hoặc công ty tiếp tục tồn tại có sự tiếp nhận của công ty khác sáp nhập vào.

2. HĐQT có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại công ty để trình ĐHĐCĐ quyết định.

ĐIỀU 64: GIẢI THỂ

1. Giải thể công ty là sự chấm dứt sự tồn tại của công ty. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

1.1. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn.

1.2. Trường hợp công ty bị thua lỗ hoặc gặp khó khăn không thể vượt qua.

1.3. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu quy định của LDN trong thời hạn 6 tháng liên tục.

1.4. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Việc giải thể công ty phải được sự đồng ý của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (*Trừ trường hợp giải thể bắt buộc theo quy định của pháp luật*).

ĐIỀU 65: THỦ TỤC GIẢI THỂ

1. Khi đã hội đủ điều kiện giải thể, HĐQT có trách nhiệm làm đơn xin giải thể công ty và thông báo đến mọi đối tượng có liên quan, đặc biệt là các cổ đông công ty.

2. Sau khi có quyết định giải thể công ty của ĐHĐCĐ thì HĐQT và Ban Kiểm soát công ty phải tiến hành đúng trình tự và các thủ tục theo luật định:

- 2.1. Thanh lý mọi hợp đồng của công ty ký kết với các cá nhân và tổ chức khác.
- 2.2. Thu hồi tất cả các tài sản của công ty.
- 2.3. Kiểm tra đánh giá lại toàn bộ tài sản của công ty và tổ chức bán đấu giá các tài sản đó.
- 2.4. Thanh toán mọi khoản nợ của công ty.
- 2.5. Chia phần tài sản còn lại cho các cổ đông theo tỷ lệ số cổ phần.
3. Quyết định giải thể công ty phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của công ty và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày Trung Ương trong 3 số liên tiếp.

ĐIỀU 66: THANH LÝ

1. Khi có quyết định giải thể công ty, ĐHĐCĐ sẽ thành lập Hội đồng thanh lý thay thế HĐQT để cùng Ban Kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, các Thanh lý viên và Ban Kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ để xử lý các vấn đề xét thấy cần phải có quyết định của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 67: PHÁ SẢN

Khi công ty lâm vào tình trạng gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, thì thực hiện theo Luật Phá sản doanh nghiệp.

ĐIỀU 68: TỔ TỤNG- TRANH CHẤP

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.
2. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo luật định.

Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại, đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 69: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Công ty được chính thức hoạt động khi đã làm đủ các thủ tục:

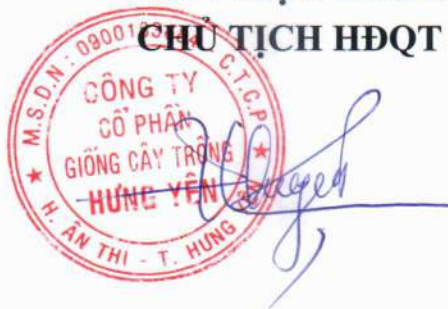
1. Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và đã đóng đủ tiền theo quy định của nhà nước hoặc có các tổ chức tài chính bao tiêu hết số cổ phần còn lại.
2. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thông qua toàn bộ các điều khoản trong Điều lệ này.
3. ĐHĐCĐ đã bầu HĐQT, Ban Kiểm soát và họ đã nhận nhiệm vụ.
4. ĐHĐCĐ đã giao quyền quản trị công ty cho HĐQT.
5. Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 70: ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ

1. Bản Điều lệ này gồm 7 chương 70 Điều, được ĐHĐCĐ (sửa đổi, bổ sung) thông qua ngày 11 tháng 05 năm 2013. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung bản điều lệ này.
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan thuộc đối tượng áp dụng của Điều lệ này, phải có trách nhiệm thực hiện đúng theo nhiệm vụ quyền hạn được giao.
3. Điều lệ này được thành lập 05 bản có giá trị như nhau: Được lưu giữ tại văn phòng Công ty và các cơ quan liên quan./.

Hưng Yên, Ngày 15 tháng 05 năm 2013

THAY MẶT ĐHĐCĐ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Thị Chuyên